

Số: /KH-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

## KẾ HOẠCH

### Phát triển thủy sản năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch phát triển thủy sản năm 2022 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT THỦY SẢN NĂM 2021**

Giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản năm 2021 theo giá so sánh năm 2010 đạt 11.628,1 tỷ đồng (tăng 1,76% so với năm 2020, đạt 97,03% so kế hoạch), trong đó lĩnh vực nuôi trồng 10.226,5 tỷ đồng, sản xuất giống 996,2 tỷ đồng và khai thác 405,3 tỷ đồng (*chi tiết Phụ lục 1 đính kèm*).

- Về sản xuất giống: năm 2021, toàn tỉnh sản xuất được 19.574 triệu con cá bột; 1.123 triệu cá tra giống; 365,5 triệu post tôm càng xanh và 420,4 triệu con giống thủy sản khác.

- Về nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản: Lũy kế diện tích thủy sản thả nuôi là 5.510 ha (giảm 3,04% so với năm 2020 và đạt 78,16% so với kế hoạch), trong đó: diện tích nuôi cá tra 2.100 ha; tôm 1.060 ha; cá khác 2.350 ha; lồng bè 3.785 chiếc. Lũy kế sản lượng thủy sản là 603.288 tấn (tăng 6,62% so với năm 2020 và đạt 102,67% so với kế hoạch), trong đó sản lượng nuôi trồng 583.980 tấn (gồm cá tra 486.120 tấn; tôm 1.880 tấn; thủy sản khác 95.980 tấn) và sản lượng khai thác 19.308 tấn.

- Về tình hình tiêu thụ và hiệu quả sản xuất:

+ Giá cá tra thịt trắng (loại 0,7 - 0,8 kg/con) dao động ở mức từ 20.200-24.000 đồng/kg cao hơn 1.500 đồng/kg so với năm 2020. Tuy nhiên, với giá thành sản xuất trung bình 21.293- 22.714 đồng/kg (tăng hơn cùng kỳ do giá thức ăn tăng cao) nên tùy theo thời điểm, người nuôi lỗ khoảng từ 391,4 triệu đồng/ha đến có lời 540 triệu đồng/ha.

+ Cá điêu hồng (cỡ 0,7 - 0,8 kg/con) giá từ 32.500- 35.000 đồng/kg với giá thành 29.857- 31.340 đồng/kg người nuôi có lời từ 16,5- 24 triệu đồng/bè 100m<sup>3</sup>; tôm càng xanh thương phẩm giá 134.000- 158.000 đồng/kg với giá thành 131.972- 134.134 đồng/kg người nuôi có lời từ 2,8- 35,4 triệu đồng/ha; cá lóc loại 1 - 1,2 kg/con giá từ 27.600- 44.700 đồng/kg với giá thành 30.121- 32.696 đồng/kg tùy theo thời điểm, người nuôi bị lỗ từ 453,7 triệu đồng/0,5ha đến có lời 2.174 triệu đồng/0,5ha; cá sặc rằn loại 8 con/kg dao động 21.200- 31.400 đồng/kg với giá thành sản xuất 39.184- 44.173 đồng/kg người nuôi bị lỗ từ 524,9- 272,1 triệu đồng/ha; ếch 3 - 5 con/kg giá 21.500- 40.000 đồng/kg với

giá thành 25.797- 27.151 đồng/kg tùy theo thời điểm, người nuôi bị lỗ từ 2,8 triệu đồng đến có lời 8,7 triệu đồng/vèo 40m<sup>2</sup>.

- Diện tích đang áp dụng và được chứng nhận các tiêu chuẩn trên nuôi cá tra là 669,66 ha (chiếm khoảng 42% diện tích nuôi cá tra toàn tỉnh), trong đó: VietGap 403,27 ha; GlobalGAP 12,02 ha; ASC 123,48 ha; BAP 27,06 ha; ASC và GlobalGAP 31,64 ha; ASC và BAP 60,87 ha; GlobalGAP và BAP 10,74 ha.

- Trong năm 2021, có 12 cơ sở nuôi cá tra thương phẩm trên địa bàn tỉnh thực hiện cấp mới/cấp lại mã số nhận diện với diện tích 87,2 ha. Lũy kế đến nay đã có 375 cơ sở nuôi cá tra thương phẩm được cấp mã số với diện tích trên 1.608 ha mặt nước, trong đó có 22 doanh nghiệp nuôi cá tra xuất khẩu với diện tích 994 ha (chiếm khoảng 62% diện tích nuôi của toàn tỉnh); diện tích nuôi của hộ cá thể là 614 ha (chiếm khoảng 38%), trong đó đa số các hộ này thực hiện nuôi gia công, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất thức ăn, doanh nghiệp chế biến thủy sản với diện tích khoảng 500 ha (chiếm 81,4%).

- Trong năm đã thực hiện đánh giá, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 18 cơ sở (trong đó có 05 cơ sở xếp loại A, 13 cơ sở xếp loại B) với diện tích 74,1 ha, đồng thời thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ 18 cơ sở (trong đó có 6 cơ sở đạt loại A, 12 cơ sở đạt loại B). Lũy kế đến nay đã cấp 77 giấy chứng nhận cho 77 cơ sở (22 cơ sở xếp loại A, 55 cơ sở xếp loại B) với diện tích 614,5 ha. Đồng thời, tổ chức tập huấn và cho 58 chủ ghe vận chuyển ký cam kết theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nhằm nâng cao giá trị và chất lượng cá tra giống gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm của các cơ sở trong vùng sản xuất giống tập trung, trong năm, đơn vị đã thực hiện in 3.500 bản áp phích tuyên truyền về danh mục hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành, đồng thời đã thực hiện thu 17 mẫu cá tra giống để phân tích dư lượng một số chất cấm như Gentian Violet (Crystal Violet), Malachite green, Enrofloxacin, Levofloxacin.

- Về công tác quản lý vật tư đầu vào trong NTTS: Đã kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất cho 20 cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh (kiểm tra cấp giấy 09 cơ sở, kiểm tra duy trì 11 cơ sở). Lũy kế đến nay đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất cho 35 cơ sở; Bên cạnh đó, cũng thực hiện kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất cho 18 cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản (kiểm tra cấp giấy 05 cơ sở, kiểm tra duy trì 13 cơ sở). Lũy kế đến nay đã cấp giấy chứng nhận cho 23 cơ sở.

- Phối hợp với Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Nam bộ thực hiện Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong thủy sản nuôi, đã thực hiện thu 270 mẫu thủy sản (cá tra, cá điêu hồng...) tại các

vùng nuôi thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh để kiểm tra dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

- Phối hợp với Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2 và Trung tâm Kiểm định, kiểm nghiệm, khảo nghiệm (Tổng cục Thủy sản) định kỳ thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường nguồn nước cấp phục vụ nuôi trồng thủy sản. Trong năm 2021, đã thực hiện thu 810 mẫu nước để phân tích các chỉ tiêu thủy, lý, hóa, sinh học. Nhìn chung chất lượng nguồn nước đảm bảo cho nuôi thủy sản. Kết quả quan trắc môi trường và các khuyến cáo được đăng trên website của Sở Nông nghiệp và PTNT để người nuôi biết và áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng khi môi trường bất lợi.

- Thực hiện chương trình kiểm soát dịch bệnh trên thủy sản nuôi, trong năm đã tiến hành thu 60 mẫu cá tra để kiểm tra bệnh gan thận mũ (do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra) bằng phương pháp PCR.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT THỦY SẢN NĂM 2022**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao tỷ trọng giá trị lĩnh vực thủy sản trong cơ cấu ngành nông nghiệp, tiếp tục phát triển ngành thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh, theo hướng sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập quốc tế.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phần đầu năm 2022, giá trị sản xuất thủy sản đạt 12.692 tỷ đồng, tăng 9,15% so với năm 2021.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 6.700 ha, tăng 21,6% so với năm 2021, trong đó: cá tra 2.200 ha, tôm 1.000 ha, cá khác 3.500 ha và 3.800 chiếc lồng, bè. Tổng sản lượng thủy sản đạt 616.150 tấn, tăng 2,13% so với năm 2021, trong đó: sản lượng cá tra 495.000 tấn, tôm 1.850 tấn, thủy sản khác 100.000 tấn và 19.300 tấn thủy sản khai thác (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 2, 3,4*).

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** (*nhiệm vụ trọng tâm đính kèm chi tiết phụ lục 5*)

### **1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật**

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và các văn bản có liên quan của trung ương và địa phương cụ thể: Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật An toàn thực phẩm, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy hoạch phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh,... đến cán bộ quản lý và người dân biết, thực hiện.

### **2. Giải pháp tổ chức - điều hành sản xuất**

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành hàng nông nghiệp trong đó tái cơ cấu ngành thủy sản tập trung xây dựng các chuỗi liên kết nhằm gắn kết sản

xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản nhằm góp phần phát triển và mang lại lợi nhuận bền vững cho người sản xuất và chế biến, tăng thu nhập cho nông dân, người lao động và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình sản xuất thâm canh cho sản lượng hàng hoá lớn như nuôi cá tra, tôm càng xanh, cá điêu hồng và cá rô phi theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, đồng thời nghiên cứu đánh giá tiềm năng các loài cá bản địa để phát triển thành những ngành hàng chiến lược trong thời gian tới. Phối hợp với một số địa phương nhân rộng và phát triển các mô hình nuôi thủy sản theo Dự án sinh kế mùa lũ trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch vùng nuôi thủy sản, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp đào ao nuôi thủy sản không theo quy hoạch. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản không nuôi thủy sản ngoài quy hoạch; thực hiện di dời lồng bè nuôi vào các vùng quy hoạch.

- Xây dựng các vùng nuôi an toàn và sản phẩm hàng hoá chất lượng cao. Từng bước gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục nâng cao vai trò của Hiệp hội thủy sản, hợp tác xã thủy sản, Hội quán trong việc làm cầu nối giữa doanh nghiệp, các nhà khoa học; tổ chức tốt việc chuyển giao công nghệ, cập nhật thông tin khoa học và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo lợi ích hài hoà giữa các thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất.

### **3. Giải pháp giống thủy sản và vật tư nghề cá**

- Tiếp tục phối hợp với Viện Nghiên cứu NTTS 2 thực hiện chuyển giao đàn cá tra bố mẹ cải thiện di truyền cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng giống cá tra, tiếp tục thực hiện tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống quản lý và khai thác tốt đàn cá tra bố mẹ cải thiện di truyền. Đối với các đối tượng thủy sản khác tiếp tục phối hợp với Viện, Trường thực hiện dự án chuyển giao qui trình sản xuất giống các đối tượng mới, qui trình nuôi cho các cơ sở ương nuôi khi có yêu cầu.

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra điều kiện sản xuất của các cơ sở giống, hướng dẫn các cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong sản xuất giống, công bố chất lượng giống. Kiên quyết xử lý các cơ sở sản xuất gian lận, không kê khai nguồn gốc xuất xứ giống để trục lợi làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của người nuôi thương phẩm.

- Trong công tác quản lý thức ăn, vật tư thủy sản sẽ tập trung vào công tác tuyên truyền để người dân nâng cao nhận thức chỉ sử dụng các sản phẩm nằm trong cơ sở dữ liệu quốc gia, không sử dụng sản phẩm kém chất lượng hoặc các loại thuốc, hoá chất không rõ nguồn gốc gây tác hại đến hiệu quả nuôi; đồng thời thường xuyên thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm không đảm bảo chất lượng trên thị trường. Thực hiện kiểm tra điều kiện sản xuất các nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản theo quy định.

### **4. Giải pháp khoa học, công nghệ và khuyến ngư**

- Hỗ trợ các cơ sở nuôi áp dụng và chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, cũng như khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP, ASC, BAP và quy trình truy xuất nguồn gốc vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm.

- Khuyến khích các cơ sở nuôi trồng thủy sản kết hợp với việc sử dụng chế phẩm sinh học, thảo dược, vaccin,... trong ương dưỡng giống và nuôi thương phẩm nhằm nâng cao tỷ lệ sống, tăng sức đề kháng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và góp phần bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển giao khoa học công nghệ mới vào trong quá trình nuôi, thu hoạch, vận chuyển để nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản; thực hiện cơ giới hoá trong một số khâu quan trọng trong quá trình sản xuất như cải tạo ao nuôi, cho ăn và thu hoạch để hạ giá thành sản phẩm và tăng sức cạnh tranh; áp dụng số hóa trong quản lý và hoạt động sản xuất.

### **5. Giải pháp thị trường**

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến thương mại, Du lịch và Đầu tư tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm thủy sản bản địa có tiềm năng như tôm càng xanh, cá lóc, cá rô đầu vuông và các loài cá khác tại các vùng nuôi trọng điểm. Tiếp tục phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm cho người nuôi thông qua các kênh thương mại điện tử.

- Phối hợp với Hiệp hội Thủy sản, các địa phương và các đơn vị có liên quan thực hiện xúc tiến phát triển chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp sản xuất thức ăn và chế biến thủy sản với các cơ sở sản xuất giống, cơ sở nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao công tác thông tin, tuyên truyền như nâng cấp nội dung cổng thông tin điện tử, tờ tin nông nghiệp nhất là trang thông tin thị trường trong nước và xuất khẩu để nông dân có thể định hướng tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường.

### **6. Giải pháp bảo vệ môi trường**

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các địa phương thực hiện công tác vận động tuyên truyền và thanh tra việc bảo vệ môi trường; đối với các hộ sản xuất thủy sản thâm canh vận động, hướng dẫn các cơ sở nuôi phải có ao xử lý nước thải trước, ao chứa bùn đáy ao, khu xử lý tiêu độc và phải cam kết thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường; đối với cá hộ nuôi lồng bè trên sông phải tuân thủ các quy định về vị trí, khoảng cách neo đậu, mật độ thả nuôi, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và an toàn giao thông đường thủy.

- Thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh tại các vùng nuôi trọng điểm trên địa bàn tỉnh để kịp thời cảnh báo và khuyến cáo các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do những sự cố về môi trường và dịch xảy ra.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Giao Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản chủ trì phối hợp với đơn vị chuyên môn các địa phương**

- Tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo tình hình sản xuất thủy sản định kỳ theo quy định, kịp thời tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các vấn đề phát sinh liên quan.

- Thực hiện công tác cấp mới, cấp lại mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ; thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống, cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản theo Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện đánh giá, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và tổ chức kiểm tra việc chấp hành nội dung cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương. Theo dõi tiến độ thực hiện quy hoạch về nuôi trồng thủy sản của các địa phương trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về lĩnh vực thủy sản cũng như các quy trình kỹ thuật đến các cơ sở nuôi, sản xuất, kinh doanh thủy sản.

- Phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác quan trắc môi trường nước cấp phục vụ cho nuôi thủy sản; chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong thủy sản nuôi; thực hiện giám sát tình hình dịch bệnh trên thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh nhằm khuyến cáo và cảnh báo cho người nuôi về các yếu tố môi trường bất lợi và dịch bệnh để phòng tránh kịp thời nhằm hạn chế rủi ro, thiệt hại.

### **2. Giao Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn**

Chủ trì phối hợp với Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản và đơn vị chuyên môn các địa phương triển khai thực hiện các chương trình khuyến nông, xây dựng các mô hình, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy sản theo quy định.

### **3. Giao Thanh Tra Sở**

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện sản xuất đối với các cơ sở sản xuất giống, sản xuất thức ăn thủy sản và nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất như con giống, thức ăn, thuốc, hóa chất, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản theo quy định

### **4. Giao Phòng Kế hoạch Tài chính**

Theo dõi tiến độ sản xuất, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch được giao, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

**5. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thực hiện, như sau:**

- Xây dựng Kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn. Thực hiện công khai các quy hoạch phát triển thủy sản của địa phương để các tổ chức, cá nhân biết để đầu tư phát triển các dự án thủy sản khi có nhu cầu.

- Tăng cường công tác quản lý, bám sát địa bàn, cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin về tình hình sản xuất thủy sản trên địa bàn quản lý.

- Hỗ trợ, phát triển các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ thủy sản trên địa bàn quản lý.

- Thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về các quy định của pháp luật trong hoạt động thủy sản; xây dựng mô hình nuôi thủy sản kết hợp với bảo vệ môi trường, mô hình nuôi thủy sản hiệu quả để nhân rộng toàn địa phương thực hiện.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, rà soát báo cáo đầy đủ các nội dung theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2813/SNN-KHTC ngày 29/9/2021 về đề cương và biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Triển khai thực hiện công tác quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ theo phân cấp trên địa bàn quản lý theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Để thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch Phát triển thủy sản năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục thủy sản; (b/c)
- UBND Tỉnh; (b/c)
- GD và PGD Sở;
- UBND huyện, thành phố;
- Đơn vị thuộc Sở;
- Phòng : NNPTNT/KT huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC (NTB).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Tất Đạt**

**Phụ lục 5: NHIỆM VỤ TRONG TÂM THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN THỦY SẢN NĂM 2022**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày tháng 4/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN
1	In tài liệu tuyên truyền về các quy định sử dụng thuốc kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản (150 bộ)	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II
2	Tập huấn về sử dụng thuốc, kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản quy định cụ thể các kháng sinh của từng nước nhập khẩu (3 lớp)	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III
3	Tập huấn quy trình nuôi trồng thủy sản (tôm) theo tiêu chuẩn hữu cơ (10 lớp)	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III, IV
4	Tập huấn quy trình kỹ thuật nuôi cá sặc rằn, các biện pháp xử lý và bảo vệ môi trường, kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm,... (2 lớp)	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Tháp Mười; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tháp Mười	Quý II, III
5	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy sản	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Địa phương, đơn vị có liên quan	Quý II, III, IV
6	Giám sát hóa chất, kháng sinh, hóa chất trên cá tra giống	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III, IV
7	Kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất giống; sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III, IV



<b>STT</b>	<b>NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>	<b>ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ</b>	<b>ĐƠN VỊ PHỐI HỢP</b>	<b>THỜI GIAN</b>
8	Kiểm tra điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở nuôi thương phẩm theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III, IV
9	Tập huấn ( <i>4 lớp</i> ) và kiểm tra việc thực hiện nội dung cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III, IV
10	Quan trắc môi trường nước cấp phục vụ nuôi trồng thủy sản	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Quý II, III, IV
11	Rà soát điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở nuôi cá tra thương phẩm công tác chuẩn bị tiếp đoàn thanh tra vùng nuôi của nước nhập khẩu	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế huyện, thành phố	Khi có Thanh tra của nước nhập khẩu